

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN**

(Kèm theo Quyết định số 960/QĐ ngày 03/12/2015 của Hiệu trưởng)

LỜI MỞ ĐẦU

Chuẩn đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo bậc đại học tại trường Đại học Công đoàn (sau đây gọi tắt là “Chuẩn đầu ra”) là quy định của Trường về phẩm chất và năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo tương ứng.

A. KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG CHUNG

1. Kiến thức chung:

- Có trình độ lý luận chính trị Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh:
 - + Nắm chắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.
 - + Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên:
 - + Có khả năng vận dụng các quy luật cơ bản trong các lĩnh vực xã hội và tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách kinh tế, xã hội.
 - + Hiểu và có khả năng vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và nhân văn vào thực tế nghề nghiệp.

2. Thái độ hành vi:

- Có phẩm chất đạo đức đạt được các yêu cầu của Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính qui ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT- BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có hiểu biết và phẩm chất chính trị tốt. Có trọng ý thức công dân ý thức chấp hành pháp luật và ý thức cộng đồng trong hành vi ứng xử hàng ngày.

- Có ý thức về phẩm chất, giá trị đạo đức, nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có tính kỷ luật, tôn trọng các quy định, quy chế, nội quy của đơn vị.

3. Kỹ năng chung:

- Đạt được trình độ ngoại ngữ theo chuẩn chung của trường Đại học Công đoàn: Trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC 450.

+ Có khả năng giao tiếp với những người nước ngoài. Có thể mở đầu những cuộc hội thoại trong những chủ đề hạn chế.

+ Có khả năng hiểu những yêu cầu và những tình huống thông thường.

+ Đọc, hiểu và soạn thảo các tài liệu và các văn bản thuộc chuyên ngành đào tạo.

- Đạt được chuẩn kiến thức tin học, sử dụng hiệu quả phần mềm văn phòng và các dịch vụ chính của internet.

+ Kỹ năng đánh máy tính, kỹ năng cơ bản.

+ Có khả năng ứng dụng tin học trong hoạt động chuyên môn.

- Lý luận và nghiệp vụ Công đoàn: Nắm vững những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản về Công đoàn.

+ Sự ra đời và phát triển của tổ chức Công đoàn Việt Nam,

+ Hệ thống tổ chức, tính chất, vị trí, vai trò, chức năng công đoàn và các mặt công tác của tổ chức Công đoàn Việt Nam và của Công đoàn cơ sở.

+ Các nguyên tắc tổ chức, nguyên tắc hoạt động và phương pháp hoạt động của Công đoàn.

B. KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN:

I. Ngành Quản trị kinh doanh:

1. Kiến thức chuyên môn:

Nắm vững và vận dụng thành thạo kiến thức về toán kinh tế, phân tích kinh doanh, phân tích thống kê, tin học ứng dụng, điều tra xã hội học làm cơ sở trong việc ra quyết định quản trị.

2. Kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp:

- Hiểu biết và thành thạo trong việc lập các dự án cũng như các kế hoạch sản xuất kinh doanh; hoạch định các chiến lược như chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, chiến lược Marketing, chiến lược sản phẩm...

- Biết tổ chức thực hiện các dự án và kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức hoạt động Marketing; tổ chức bán hàng tiêu thụ sản phẩm; tổ chức quá trình cung ứng phân phối các yếu tố đầu vào, đầu ra; tổ chức nhân sự; tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp.

- Biết điều hành các dự án cũng như kế hoạch sản xuất, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình huống phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

- Có khả năng trong việc khởi nghiệp cũng như quản lý các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các công ty liên doanh; công ty của riêng mình và công ty gia đình.

- Có thể làm việc trong các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, đoàn thể, các vụ, viện, trường học....

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Đủ điều kiện tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn.

II. Ngành Bảo hộ lao động:

1. Kỹ năng chuyên môn:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi của ngành về Hình họa – Vẽ kỹ thuật, Cơ khí đại cương, Kỹ thuật điện tử, Cung cấp điện xí nghiệp, Kỹ thuật đo lường, Kỹ thuật nhiệt, Cơ học lý thuyết, Sức bền vật liệu, Tự động hóa các quá trình sản xuất, Thủy khí động lực học, Cấp thoát nước, Xây dựng công nghiệp, Tâm sinh lý lao động, Tâm lý kỹ thuật, Công nghệ hóa chất, Môi trường và phát triển và Tin học ứng dụng.

Người tốt nghiệp chương trình đại học ngành Bảo hộ lao động có những kỹ năng:

- Kỹ năng thực hành đại cương, cơ sở và chuyên ngành Bảo hộ lao động, có khả năng ứng dụng kiến thức được đào tạo vào các hoạt động sản xuất và đời sống.

- Kỹ năng điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá và quản lý tổng hợp về Bảo hộ lao động.

- Đề xuất các giải pháp công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường lao động trong quá trình sản xuất; loại trừ các yếu tố nguy hiểm gây tai nạn lao động, sự cố trong sản xuất và các yếu tố độc hại gây bệnh nghề nghiệp.

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện về Bảo hộ lao động cho các đối tượng khác nhau.

2. Kiến thức ngành:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu lĩnh vực Bảo hộ lao động bao gồm kiến thức về Kỹ thuật an toàn lao động (Nguyên lý kỹ thuật an toàn, An toàn điện, An toàn hóa chất, An toàn phóng xạ và bức xạ có hại, An toàn thiết bị chịu áp lực, An toàn thiết bị vận chuyển, Phòng chống cháy nổ, An toàn trong xây dựng và khai thác mỏ); Khối kiến thức về Kỹ thuật vệ sinh lao động (Thông gió công nghiệp, Chất thải rắn, Xử lý ô nhiễm môi trường khí, Xử lý nước thải, Kỹ thuật xử lý tiếng ồn và rung trong sản xuất, Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp); Khối kiến thức về Luật pháp – chế độ – chính sách Bảo hộ lao

động (Xã hội học công nghiệp, Những vấn đề cơ bản về công đoàn, Luật lao động, Nghiệp vụ kiểm tra Bảo hộ lao động, Thanh tra nhà nước về Bảo hộ lao động, chế độ chính sách về Bảo hộ lao động).

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

- Có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ tổ chức, làm công tác Bảo hộ lao động trong doanh nghiệp; Kiểm tra bảo hộ lao động của Công đoàn; Thanh tra nhà nước về An toàn lao động.

- Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về Bảo hộ lao động tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các Cơ sở đào tạo.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Được trang bị khối kiến thức đầy đủ để có thể chuyển tiếp lên các hệ đào tạo sau Đại học hoặc chuyển sang các ngành công nghệ, kỹ thuật khác cùng nhóm ngành trong và ngoài nước.

III. Ngành Công tác xã hội:

1. Kỹ năng chuyên môn: Sử dụng được các kỹ năng CTXH cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình;

- Có kỹ năng đánh giá, phát hiện các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng;

- Phát triển kỹ năng vận động và tham gia xây dựng chính sách xã hội và các chính sách có liên quan;

- Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá chính sách, mô hình giúp đỡ và có kỹ năng phân tích, đánh giá, áp dụng mô hình tiếp cận phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (giảng dạy, kiểm huấn).

2. Kiến thức ngành: Nắm vững kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học, các lý thuyết và mô hình công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội chuyên nghiệp; kiến thức bổ trợ và ứng dụng vào việc phân tích, xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và lượng giá tiến trình giải quyết vấn đề. Đồng thời, có kiến thức nghiên cứu và xây dựng các mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội trình độ đại học có thể làm việc:

- Cung ứng dịch vụ công tác xã hội tại các đơn vị thuộc hệ thống công đoàn từ Trung ương đến địa phương.

- Các cơ quan của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các loại đối tượng khác nhau thuộc các lĩnh vực như y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội...

- Có thể làm việc độc lập với vai trò là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu hay cán bộ hoạch định chính sách xã hội.

- Làm việc trực tiếp tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo có liên quan đến công tác xã hội

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ra trường có đủ điều kiện nâng cao trình độ ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ công tác xã hội.

IV. Ngành Xã hội học:

1. Kỹ năng chuyên môn:

- Có kỹ năng làm việc theo nhóm về các vấn đề kinh tế – xã hội.
- Lập và triển khai các kế hoạch thực hiện các đề án điều tra xã hội học, các vấn đề xã hội, phát triển cộng đồng.
- Tổ chức tốt các hoạt động: hoạch định, quản lý, tham vấn, tổ chức phát triển cộng đồng của cơ sở;
- Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu xã hội học và một số lĩnh vực công tác xã hội: giao tiếp, thuyết trình, điều tra, phỏng vấn, vận động thân chủ, tổ chức sự kiện....

2. Kiến thức ngành:

- Vận dụng được các kiến thức về công nghệ, môi trường, khoa học xã hội và nhân văn trong ngành Xã hội học.
- Sử dụng tốt các kiến thức cơ bản của Xã hội học các lý thuyết xã hội học hiện đại, xã hội học nông thôn, đô thị, kinh tế, lao động, việc làm, quản lý xã hội, công tác xã hội, chính trị, văn hóa, gia đình, giới, dư luận xã hội, đoàn thể, phương pháp nghiên cứu xã hội học.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

- Nghiên cứu và giảng dạy Xã hội học.
- Làm tốt các dịch vụ xã hội học tại các cơ sở và tổ chức xã hội (cơ quan, tổ chức công và tư).
- Có khả năng làm việc tốt tại các cơ quan hành chính, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội khác, đặc biệt là các đoàn thể quần chúng.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Đủ điều kiện tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn.

V. Ngành Kế toán:

1. Kỹ năng chuyên môn:

- Tổ chức công tác kế toán bao gồm tổ chức bộ máy kế toán, vận dụng hình thức kế toán, hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán và cung cấp thông tin thông qua hệ thống báo cáo tài chính tại các loại hình doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế khác.

- Thành thạo việc lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo quản trị tại các loại hình doanh nghiệp.

- Đọc, hiểu và phân tích báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính).

- Lập và phân tích một số báo cáo kế toán quản trị cơ bản như: lập dự toán, dự báo về doanh thu, chi phí, lợi nhuận theo đơn vị, mặt hàng... để tham mưu cho lãnh đạo.

- Thành thạo việc lập báo cáo thuế hàng tháng, năm và các thủ tục khác liên quan đến cơ quan thuế.

- Sử dụng thành thạo ít nhất một phần mềm kế toán và các phần mềm ứng dụng để xử lý các dữ liệu về kế toán tài chính.

2. Kiến thức ngành:

- Có kiến thức chuyên sâu để tổ chức thực hiện công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp. Cụ thể:

+ Thực hiện chức năng kế toán tài chính: kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh từ kế toán tiền, nguyên vật liệu, tài sản cố định, lương, thuế, các khoản thanh toán, giá thành, tiêu thụ, đầu tư tài chính, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận và lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế.

+ Thực hiện chức năng kế toán quản trị: phân loại và tổ chức kế toán chi phí hợp lý tại công ty, có đủ kiến thức để thiết kế, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp.

+ Có khả năng tổ chức hệ thống thông tin kế toán tài chính cho các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp.

- + Có đủ trình độ chuyên môn để thực hiện một cuộc kiểm toán độc lập.
- Nắm vững các chính sách, chế độ và chuẩn mực kế toán, chế độ thuế, luật kế toán và quản lý tài chính để tổ chức thực hiện công tác kế toán.
- Xử lý được các tình huống kế toán phát sinh trong thực tế.
- Có khả năng tổ chức, điều hành, hoạch định công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra kế toán.
- Có khả năng hoạch định các chính sách kế toán, tham gia nghiên cứu soạn thảo chế độ kế toán.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

- Có khả năng, năng lực đảm nhận vị trí kế toán viên (phụ trách một hoặc nhiều phân hành kế toán cụ thể), hoặc kế toán tổng hợp trong các loại hình doanh nghiệp, cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức khác.
- Có khả năng làm công việc của một trợ lý kiểm toán trong các công ty kiểm toán độc lập.
- Đảm nhận công việc của một chuyên viên tài chính (phân tích, kiểm soát tài chính) tại các công ty tư vấn tài chính kế toán.
- Có thể tham gia giảng dạy các môn học về kiểm toán, phân tích, kế toán cho các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học khối kinh tế và quản trị kinh doanh.
- Kiểm soát viên, thanh tra viên, nhân viên trong các cơ quan quản lý hoạt động kế toán, kiểm toán của nhà nước.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo chuyên ngành đào tạo.
- Có thể học tập lên thạc sĩ, tiến sĩ các ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán, Kiểm toán và Tài chính ngân hàng.

VI. Ngành Tài chính ngân hàng:

1. Kỹ năng chuyên môn:

- Có khả năng thực hiện việc phân tích tình hình tài chính và lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, thanh toán quốc tế một cách độc lập và chuyên nghiệp tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm.

- Có thể xử lý các tình huống mới nảy sinh nhanh chóng, sáng tạo, đảm bảo tuân thủ pháp luật, các chuẩn mực, chế độ tài chính – kế toán của nhà nước, quy định về tín dụng và thanh toán, dịch vụ ngân hàng.

- Có khả năng giao tiếp tốt với khách hàng, các đối tác cũng như trong quan hệ nội bộ doanh nghiệp, ngân hàng, làm việc theo nhóm một cách hiệu quả nhất thông qua việc phân tích và lập kế hoạch tài chính, xây dựng chiến lược huy động vốn và thực hiện các phương thức cho vay hiệu quả.

2. Kiến thức ngành:

Hiểu biết những kiến thức về kinh tế – xã hội, có hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về pháp luật, tài chính – tiền tệ, ngân hàng, có trình độ chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, tín dụng ngân hàng, tín dụng và thanh toán quốc tế.... làm luận cứ cho việc thực hành và tổ chức công tác huy động vốn, cho vay và thực hiện các dịch vụ ngân hàng, thực hiện lập và triển khai kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển doanh nghiệp, phân tích đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, tìm các nguồn tài trợ với chi phí huy động thấp nhất đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp, quản lý chi phí, tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

Sinh viên chuyên ngành Tài chính ngân hàng, chuyên ngành tài chính doanh nghiệp có khả năng làm việc tại những vị trí sau:

- Làm việc tại các ngân hàng thương mại với các vị trí như: nhân viên tín dụng, nhân viên kế toán, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối...

- Làm cán bộ quản lý tài chính tại các doanh nghiệp.

- Chuyên viên kinh tế tại các công ty chứng khoán, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư.

- Làm việc tại các sở giao dịch chứng khoán, các cơ quan quản lý tài chính nhà nước như: cơ quan tài chính, kho bạc, thuế.

- Có thể giảng dạy các môn học chuyên ngành Tài chính ngân hàng tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

VII. Ngành Luật:

1. Kỹ năng chuyên môn:

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.
- Có khả năng tổ chức, điều hành, giám sát các hoạt động của đơn vị.
- Có khả năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết công việc một cách linh hoạt, hiệu quả.

2. Kiến thức ngành:

- Hiểu biết các quy định của pháp luật hiện hành.
- Vận dụng đúng đắn, sáng tạo các quy định của pháp luật vào thực tiễn.
- Có khả năng tổ chức, điều hành, hoạch định công tác theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

- Có khả năng, năng lực đảm nhận các vị trí: thư ký Tòa án, kiểm soát viên trong các cơ quan Tư pháp của nhà nước, Điều tra viên trong các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng công an nhân dân và các công việc khác phù hợp với ngành luật tại các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

- Có khả năng đảm nhiệm chức danh quản lý điều hành hay trợ lý cho Giám đốc, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.... trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Đảm nhận công việc của một tư vấn viên, luật sư cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu.

- Có thể tham gia giảng dạy các môn học về Luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp.

- Cán bộ các phòng, ban trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của nhà nước.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu khoa học theo chuyên ngành đào tạo.
- Có thể học lên thạc sỹ, tiến sỹ ngành Luật trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

VIII. Ngành Quan hệ lao động

1. Kỹ năng chuyên môn:

Cử nhân quan hệ lao động được trang bị kiến thức, kỹ năng xử lý mọi mối quan hệ lao động trong đơn vị và ngoài xã hội; quan hệ xã hội, quan hệ quần chúng; kỹ năng tổ chức lực lượng quần chúng lao động; phương pháp phân tích, đánh giá và ra quyết định liên quan trong ứng xử với người lao động và đoàn thể của họ. Sinh viên được đào tạo khả năng tham gia vào quá trình quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp như một nhà quản trị nguồn nhân lực; cũng như có kỹ năng thương lượng, thuyết phục người lao động.

2. Kiến thức ngành:

Học phần tập trung hình thành cho người học các kỹ năng thương lượng tập thể, kỹ năng ký hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể, giúp người vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm trong việc thương lượng tập thể, hợp đồng lao động và ký kết thỏa ước lao động tập thể. Các kỹ năng đặc thù trong việc hòa giải, trọng tài và giải quyết các tranh chấp lao động.

Học phần hình thành cho người học các phương pháp xây dựng kế hoạch triển khai Quan hệ lao động (phương pháp xây dựng, xác định các tiêu chí, mục tiêu pháp triển Quan hệ lao động mang tính hiệu quả). Các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thỏa thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết, cũng như các quy định của nhà nước.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân đại học quan hệ lao động có thể làm việc tất cả các loại hình doanh nghiệp với sứ mạng bảo vệ quyền lợi người lao động tạo môi trường làm việc tích cực, điều hành nhân sự trong doanh nghiệp hoặc chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên giải quyết tranh chấp lao động cán bộ công đoàn, cán bộ nhân sự, chuyên viên nghiên cứu về lao động và công

đoàn. Ngoài ra cử nhân quan hệ lao động có thể thi để học lên cao học, tiến sĩ để tham gia giảng dạy trong các trường đại học.

Vị trí công tác cụ thể:

- Giám đốc nhân sự hay trưởng phòng tổ chức cán bộ trong doanh nghiệp.
- Trưởng phòng quan hệ công chúng (PR)
- Chủ tịch công đoàn, ủy viên ban chấp hành công đoàn, cán bộ công đoàn chuyên trách, trưởng ban chuyên đề trong hệ thống tổ chức công đoàn.
- Chuyên viên nghiên cứu về lao động và công đoàn của các viện, trường đại học và các trung tâm đào tạo và giới thiệu việc làm.
- Chuyên viên tư vấn, nghiên cứu cho các dự án về lao động, xã hội; về công đoàn; về quan hệ công chúng.
- Chuyên viên thương lượng và xử lý các bất đồng xã hội tại các bộ phận cần công tác này.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Đủ điều kiện tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn.

IX. Ngành Quản trị nhân lực:

1. Kỹ năng chuyên môn:

- Kỹ năng giao tiếp và tổ chức các hoạt động tập thể, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp.

- Có năng lực làm việc độc lập và theo nhóm.

- Có khả năng phân công công việc và điều hành, giám sát hoạt động của các bộ phận chức năng.

- Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học độc lập, biết soạn thảo văn bản liên quan đến quản lý lao động và kinh tế.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học.

2. Kiến thức ngành:

- Nắm vững và vận dụng thành thạo các khối kiến thức, công cụ dành cho các nhà quản trị để xác lập cơ sở khoa học cho việc ra quyết định quản trị nhân sự trong phạm vi doanh nghiệp.

- Biết phân tích và thiết kế công việc, tiêu chuẩn hóa các vị trí, chức danh trong doanh nghiệp, xây dựng hệ thống định mức lao động.

- Lập kế hoạch về nhân sự;

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyển mộ, tuyển chọn lao động trong tổ chức, doanh nghiệp.

- Thực hiện chương trình hội nhập vào môi trường làm việc giúp người lao động nhanh chóng thích nghi với môi trường doanh nghiệp và công việc.

- Tổ chức lao động trong doanh nghiệp, bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, khoa học nhằm khai thác tối ưu các nguồn lực khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện công việc của người lao động trong doanh nghiệp làm cơ sở cho việc trả thù lao lao động được công bằng, thỏa đáng và thực hiện các hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tạo và gia tăng động lực làm việc.

- Xây dựng và quản lý hệ thống thù lao lao động trong doanh nghiệp nhằm kích thích về vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.

- Giải quyết các mối quan hệ lao động, quan hệ giữa các đối tác lao động.

3. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

- Có khả năng làm việc ở các bộ, ngành, các cơ quan trung ương và địa phương với chức năng quản lý nhân lực.

- Công tác ở các viện, các trung tâm khoa học.

- Giảng dạy ở các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học..

- Làm việc tại các trung tâm tư vấn, giới thiệu lao động và việc làm.

- Đảm nhiệm các vị trí, chức danh quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp của nền kinh tế quốc dân.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Đủ điều kiện tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Khoa, Phòng, Bộ môn (để thực hiện);
- Lưu VT.P. ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Phạm Văn Hà

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CHUẨN ĐẦU RA CHO HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN**

(Kèm theo Quyết định số 960/QĐ ngày 03 /12/2015 của Hiệu trưởng)

I. THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Tên chuyên ngành đào tạo

Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**

Tiếng Anh: Business Administration

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3. Yêu cầu về kiến thức

Học viên tốt nghiệp có khả năng làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhận công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị kinh doanh; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về kinh doanh và quản lý để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan lĩnh vực kinh doanh và quản trị kinh doanh. Cụ thể, học viên tốt nghiệp đạt chuẩn kiến thức sau:

- Kiến thức kinh tế tổng hợp và kiến thức liên ngành nâng cao như kinh tế vĩ mô, luật kinh tế, quản lý kinh tế, tài chính, kế toán...

- Kiến thức cập nhật và nâng cao về lĩnh vực kinh doanh và quản trị kinh doanh như quản trị chiến lược, lãnh đạo và quản lý, quản trị nhân lực, quản trị dự án đầu tư, quản trị sự thay đổi...

- Kiến thức về phương pháp luận khoa học, phương pháp giải quyết tình huống trong kinh doanh; Kiến thức các phương pháp phân tích kinh tế định tính và định lượng.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Kỹ năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập đối với các vấn đề kinh doanh và quản lý.

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề kinh doanh và quản lý.

- Kỹ năng thu thập thông tin về kinh doanh và quản trị, cập nhật kiến thức mới thuộc chuyên ngành; nâng cao kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm và kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác.

- Kỹ năng tin học: Vận dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề trong kinh doanh và quản trị

- Kỹ năng ngoại ngữ: Có trình độ tiếng Anh theo tiêu chuẩn B1 Châu Âu, có thể hiểu một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành quản trị kinh doanh; có thể diễn đạt bằng tiếng Anh trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng tiếng Anh.

4.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ra quyết định quản trị

- Kỹ năng tổ chức sự kiện và điều hành hội nghị

- Kỹ năng thuyết trình, đối thoại, thuyết phục, động viên, khích lệ

- Kỹ năng khảo sát, phân tích, đánh giá

- Kỹ năng soạn thảo văn bản

- Kỹ năng thương lượng và đàm phán trong kinh doanh
- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (ban hành theo thông tư 03/2014/TT – BTTTT).
- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (ban hành theo thông tư 01/2014/TT – BGDĐT).

5. Yêu cầu về thái độ

- Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân;
- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp; có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;
- Có khả năng cập nhật và vận dụng các kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc.

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên viên, chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan...
- Làm chuyên gia, tham mưu cho lãnh đạo trong kinh doanh, cán bộ nguồn về nghề giám đốc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, các ban quản lý dự án đầu tư, các dự án phát triển kinh tế - xã hội...
- Khả năng khởi sự kinh doanh và tự tạo lập doanh nghiệp, tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.
- Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học và các viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Cán bộ nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

Trên nền tảng các kiến thức và các kỹ năng đã được trang bị, học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác ở bậc thạc sĩ;

- Tự học tập, nghiên cứu và bổ sung tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có thể tiếp tục tự học tập, tự nghiên cứu và đăng ký thi tuyển để học tập lên mức cao hơn ở bậc Tiến sĩ đồng thời có thể tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Từ đó, người học có thể đáp ứng các yêu cầu với các chức danh cao hơn như: giám đốc, Tổng giám đốc, Trưởng, phó phòng kinh doanh, giảng viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên cao cấp và nghiên cứu viên cao cấp về Quản trị kinh doanh.

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Ngoại thương

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

- Bộ chuẩn đầu ra thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Sài Gòn

- Chương trình đào tạo MBA, Trường Đại học Bang Sanfrancisco, Hoa Kỳ;

- Chương trình đào tạo MBA, Trường Đại học Monroe, Hoa Kỳ;

- Chương trình đào tạo MBA, Trường Đại học MC Gill, Hoa Kỳ.

II. THẠC SĨ NGÀNH KẾ TOÁN

1. Tên ngành đào tạo

- Tiếng Việt: **Kế toán**
- Tiếng Anh: Accounting

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3. Yêu cầu về kiến thức

3.1. Kiến thức chung

- Hiểu biết và nắm vững nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.
- Có nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm xã hội, hình thành đạo đức nghề nghiệp để phấn đấu không ngừng nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp trên cương vị của mình.

3.2. Kiến thức chuyên ngành

- Nắm vững kiến thức tổng hợp về kinh tế học để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế vi mô, vĩ mô trong nước và quốc tế.
- Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh để có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, có khả năng thiết kế, vận hành kế toán đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong điều kiện hội nhập; tham gia vào hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp cũng như quá trình ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Có kỹ năng thành thạo về kế toán, tài chính, có khả năng sáng tạo, giải quyết những vấn đề chuyên môn và tổ chức, điều hành lĩnh vực chuyên môn trong kế toán, tài chính.
- Thành thạo kỹ năng tin học ứng dụng và tiếng Anh trong giao tiếp và trong kinh doanh (tiếng Anh đạt tiêu chuẩn trong quy chế hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác, đồng thời phát triển những kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá giúp học viên tiếp tục tự học, tự phát triển, nghiên cứu độc lập cũng như khả năng cập nhật sự thay đổi của chế độ kế toán.

- Có tư duy logic, khả năng phân tích và tổng hợp, phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Có khả năng nghiên cứu, phân tích và xử lý có căn cứ khoa học các vấn đề thực tế của doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn.

5. Yêu cầu về thái độ

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

- Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.

- Biết xử lý hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia.

- Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

- Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn các chính sách tài chính, kế toán trong các tập đoàn, tổng công ty và công ty, các doanh nghiệp kiểm toán, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc mọi lĩnh vực của nền kinh tế từ trung ương đến địa phương.

- Chuyên viên cao cấp về phân tích tài chính, quản trị kinh doanh và kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp.

- Nghiên cứu và giảng viên kế toán, kiểm toán, tài chính trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp nếu được trang bị thêm kiến thức và phương pháp giảng dạy đại học, cao đẳng.

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, kế toán, kiểm toán.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Học viên tốt nghiệp đủ điều kiện để tiếp tục học tập, nghiên cứu lấy bằng tiến sĩ ở trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ

- Chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại

- Chương trình đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

- Chương trình đào tạo của Học viện Tài chính

- Chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Chương trình đào tạo của Trường Vanderbilt University Owen Graduate School of Management

- Chương trình đào tạo của Trường Carlson University of Minnesota

- Chương trình đào tạo của Trường University of Houston

III. THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

1. Tên chuyên ngành đào tạo

- Tiếng Việt: **Quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp**

- Tiếng Anh:

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngoài những yêu cầu về chuẩn đầu ra chung của Trường đối với các chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ, người tốt nghiệp thạc sĩ Quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp cần:

3. Yêu cầu về kiến thức

- Đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các điều kiện làm việc, vệ sinh an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe của người lao động, các nhân tố ảnh hưởng đến an toàn trong lao động.

- Học viên có kiến thức, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá logic, phương pháp nghiên cứu cơ bản, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, thuyết trình và quản lý về an toàn, sức khỏe và vệ sinh lao động;

- Phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề về lĩnh vực bảo hộ lao động;

- Đề xuất các giải pháp công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường lao động trong quá trình sản xuất, loại trừ các yếu tố nguy hiểm gây tai nạn lao động, sự cố trong sản xuất và các yếu tố độc hại gây bệnh nghề nghiệp.

- Phân tích được mục đích, ý nghĩa, vai trò và nội dung của các biện pháp đảm bảo an toàn; các yếu tố có thể xảy ra mất an toàn.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Thành thạo trong việc khai thác thông tin, cập nhật thông tin và phân tích, tổng luận các vấn đề về an toàn, quản lý sức khỏe.

- Thành thạo trong việc lập kế hoạch kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn tại các đơn vị;

- Sử dụng được các thiết bị, phân tích đánh giá an toàn, đánh giá sức khỏe; phương tiện bảo vệ cá nhân, các sản phẩm - thiết bị bảo vệ môi trường phục vụ công tác Thanh tra An toàn lao động;

- Sử dụng thành thạo máy tính trong việc soạn thảo văn bản, khai thác cập nhật thông tin, xử lý, phân tích và trình bày kết quả.

- Ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực quản lý, xử lý môi trường lao động, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện về Bảo hộ lao động cho các đối tượng khác nhau.

4.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ra quyết định

- Kỹ năng tổ chức và điều hành họp

- Có kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, động viên, khích lệ

- Kỹ năng khảo sát, phân tích, đánh giá

- Kỹ năng thương lượng, giải quyết các xung đột.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT – BTTTT

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 11/2014/BGDĐT.

5. Yêu cầu về thái độ

Tự tin, linh hoạt, sáng tạo, có bản lĩnh

Trách nhiệm, gương mẫu và phong cách làm việc chuyên nghiệp

Có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh. Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

Yêu nghề, luôn có tinh thần ham học hỏi, trau dồi kiến thức. Có niềm đam mê khoa học và mong muốn được hội nhập khoa học với các đồng nghiệp trong

nước và thế giới. Trung thực trong nghiên cứu và có tinh thần vượt khó để giải quyết các vấn đề trong công việc.

Sống chan hoà, khiêm tốn với mọi người. Sẵn sàng giúp đỡ các đồng nghiệp khác trong công việc và cuộc sống. Luôn có ý thức ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công việc và cuộc sống.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở các Viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, các ngành thuộc lĩnh vực bảo hộ lao động; là cán bộ giảng dạy về bảo hộ lao động trong các trường đại học và cao đẳng.

Có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ tổ chức làm công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp; Kiểm tra Bảo hộ lao động của Công đoàn; Thanh tra nhà nước về An toàn lao động.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Áp dụng kỹ thuật và kỹ năng quản lý để cải thiện điều kiện lao động tại nơi làm việc;
- Hiểu biết sâu về mối quan hệ giữa quản lý kinh tế và quản lý an toàn, sức khỏe người lao động
 - Đánh giá các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, sức khỏe, phòng chống thương tích, bệnh tật cho người lao động
 - Áp dụng các nguyên tắc về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với các cơ sở;
 - Thẩm định các biện pháp kỹ thuật được sử dụng để ngăn ngừa tai nạn lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp, bảo vệ tài sản và môi trường
 - Đánh giá năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ làm công tác bảo hộ lao động ở cơ sở;
 - Ước tính chi phí điều trị thương tích và bệnh nghề nghiệp;
 - Tư vấn, hoạch định chính sách về Bảo hộ lao động;
 - Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các biện pháp hạn chế tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại các đơn vị thuộc các cấp, các ngành, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

8. Các chương trình tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

Chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo và tham khảo một số chương trình quốc tế sau:

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Master in occupational safety and health management) của Trường Đại học Utara Malaysia (UUM) phối hợp với Viện quốc gia về An toàn và sức khỏe nghề nghiệp Malaysia (NIOSH);

2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Master in occupational safety and health management) của Trường Đại học Brunel (Anh);

3. Chương trình đào tạo thạc sĩ An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Master in occupational safety and health) của Trường Đại học Surrey (Anh);

4. Chương trình đào tạo thạc sĩ An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Master in occupational safety and health) của Trường Đại học Salford (Anh);

5. Chương trình đào tạo thạc sĩ An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Master in occupational safety and health) của Trường Đại học Columbia Southorn (Mỹ);

IV. THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

1. Tên ngành đào tạo

- Tiếng Việt: **Quản trị nhân lực**
- Tiếng Anh: Human Resource Management

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3. Yêu cầu về kiến thức

- Biết vận dụng phù hợp và hiệu quả kiến thức quản trị nhân lực vào hoạt động thực tiễn và hoạch định các chính sách nhân sự.

- Có khả năng nghiên cứu, đề xuất bổ sung, chỉnh sửa các chính sách, pháp luật lao động phù hợp với xu thế phát triển và bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

- Hiểu thấu đáo nguyên lý quản trị và thực hành thành thạo các hoạt động quản trị nhân lực trong các loại hình tổ chức.

-Biết sử dụng kiến thức khoa học xã hội, tâm sinh lý lao động, toán học, thống kê, quản lý thông tin kinh tế, các nguyên lý cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh trong xây dựng, hoạch định chính sách nhân sự, chính sách lao động và giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi quản trị nhân lực trong tổ chức cụ thể.

- Hiểu về dân số, nguồn nhân lực, có phương pháp xây dựng, tiếp cận và khai thác thông tin trên thị trường lao động; cập nhật và tự cập nhật về các chính sách quốc gia, địa phương về lao động, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, tiền lương, việc làm...; có phương pháp tham mưu và đề xuất với lãnh đạo trong các vấn đề quản lý nhà nước về lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực quốc gia và trong tổ chức.

- Hiểu rõ bản chất, vai trò, phương pháp quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa và nắm bắt được xu hướng thay đổi của quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Biết cách phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản trị nhân lực trong tổ chức và đề xuất mô hình quản trị nhân lực trong tổ chức, hệ thống chính sách về nhân lực, mô hình tổ chức bộ máy, xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực.

- Hiểu rõ và biết cách vận dụng các thành quả của tâm lý học, xã hội học, hành vi tổ chức trong phân tích tâm lý, hành vi của người lao động, nhóm, tập thể lao động để tổ chức lao động một cách khoa học, tăng cường và thúc đẩy tạo động lực lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý lao động.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá hiện trạng công tác quản trị nhân lực trong các tổ chức; tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong công tác tổ chức bộ máy, xây dựng chiến lược nhân lực, xây dựng văn hóa kinh doanh và văn hóa của tổ chức, chiến lược quản trị nguồn nhân lực, mô hình quản trị nhân lực trong tổ chức, hệ thống chính sách về nhân lực.

- Có khả năng chủ trì và triển khai các hoạt động: xây dựng các loại quy chế về nhân sự, thiết kế, phân tích công việc; tổ chức lao động khoa học; quản trị thực hiện công việc, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, hoạch định nhân lực, quản lý thông tin nhân sự; công tác cán bộ; quản trị thù lao lao động, hoạch định chính sách tiền lương, tiền thưởng và các loại phúc lợi khác; có khả năng chỉ đạo và trực tiếp tham gia vào hoạt động tuyển dụng; bảo hộ lao động; truyền thông, trợ giúp và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động; có khả năng chỉ đạo giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động; có khả năng đào tạo và hướng dẫn nhân viên.

- Có thể tham gia trực tiếp vào công tác quản lý, giám sát vấn đề thực thi pháp luật về lao động trong các tổ chức, đơn vị. Có thể phân tích được tình hình dân số, nguồn nhân lực, theo dõi diễn biến và đánh giá được thị trường lao động làm căn cứ để tham mưu, đề xuất được với cấp trên những ý kiến nhằm tăng cường quản lý nhà nước về lao động.

- Có tư duy hệ thống, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong quản trị nhân lực.

- Có kỹ năng phỏng vấn trong phân tích và thiết kế công việc, tuyển dụng, đào tạo, thu thập thông tin liên quan đến các hoạt động quản trị nhân lực trong tổ chức.

- Có kỹ năng tổ chức sự kiện, đàm phán, thương lượng, giải quyết tranh chấp lao động, đối thoại xã hội, xây dựng quan hệ lao động và quan hệ công chúng.

- Có kỹ năng quản lý và ra quyết định.

4.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ra quyết định

- Kỹ năng tổ chức sự kiện và điều hành hội nghị

- Kỹ năng thuyết trình, đối thoại, thuyết phục, động viên, khích lệ

- Kỹ năng khảo sát, phân tích, đánh giá

- Kỹ năng soạn thảo văn bản

- Kỹ năng thương lượng, giải quyết các xung đột trong quan hệ nhân sự

- Có kỹ năng đào tạo, hướng dẫn nhân viên mới, nhân viên dưới quyền.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (ban hành theo thông tư 03/2014/TT – BTTTT).

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (ban hành theo thông tư 01/2014/TT – BGDĐT).

5. Yêu cầu về thái độ

- Tự tin, linh hoạt, sáng tạo, có bản lĩnh

- Trách nhiệm, gương mẫu và phong cách làm việc chuyên nghiệp

- Ý thức nắm bắt sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh

- Tinh thần chia sẻ, hỗ trợ

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ lãnh đạo cấp cao về nhân sự như giám đốc, phó giám đốc phụ trách nhân sự trong doanh nghiệp và giám đốc, phó giám đốc sở Lao động

thương binh và xã hội, Sở Nội vụ, các trung tâm, Cán bộ quản lý các vụ, cục thuộc các Bộ.

- Cán bộ quản lý cấp trung về nhân sự như trưởng, phó phòng tổ chức nhân sự, phòng tổ chức hành chính trong các doanh nghiệp, ngân hàng; trưởng, phó phòng nội vụ, lao động thuộc các Sở, UBND các cấp, trưởng, phó các phòng ban thuộc các Bộ, ban ngành.

- Cán bộ nhân sự trong các Ban nhân sự, Ban đào tạo phát triển nguồn nhân lực hoặc tương tự ở các Tổng công ty, các Hội sở lớn.

- Nghiên cứu, tư vấn, giảng dạy về lao động/nhân sự tại các Trường Cao đẳng, Đại học về kinh tế và quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực, các Viện, Học viện về Kinh tế Lao động, nguồn nhân lực, các Công ty tư vấn đề Kinh tế lao động và Quản trị nguồn nhân lực.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có thể tiếp tục tự học tập, tự nghiên cứu và đăng ký thi tuyển để học tập lên mức cao hơn ở bậc Tiến sĩ đồng thời có thể tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Từ đó, người học có thể đáp ứng các yêu cầu với các chức danh cao hơn như: giám đốc nhân sự, Trưởng, phó phòng nhân sự, chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp về nhân sự/lao động, giảng viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên cao cấp và nghiên cứu viên cao cấp về nhân sự/ lao động.

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực Đại học Birmingham, Anh

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực Đại học NewYork, Mỹ.

V. THẠC SĨ NGÀNH XÃ HỘI HỌC

1. Tên ngành đào tạo

- Tiếng Việt: **Xã hội học**

- Tiếng Anh: Sociology

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3. Yêu cầu về kiến thức

* *Kiến thức tổng quát*

Nắm vững phương pháp luận và kiến thức chuyên sâu về xã hội học, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp xã hội học;

* *Kiến thức cụ thể*

- Hiểu và vận dụng thành thục các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về phương pháp và lí thuyết xã hội học hiện đại.

- Có khả năng vận dụng kiến thức xã hội học góp phần vào việc nghiên cứu, giải quyết các vấn đề xã hội trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng.

- Hiểu được các lý luận về tâm lý, xã hội, văn hóa, đạo đức, phát triển và vận dụng để đánh giá được các vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành Xã hội học và các mô hình phát triển hiện nay;

- Vận dụng được kiến thức về xã hội học để phân tích cấu trúc và đánh giá các vấn đề xã hội ở nông thôn, đô thị và liên quan đến lĩnh vực lao động, chính trị, kinh tế, giáo dục, môi trường và khoa học công nghệ;

- Vận dụng được kiến thức về tâm lý học và quan hệ công chúng để thực hiện có hiệu quả hoạt động, tham vấn cho từng đối tượng và trong các lĩnh vực xã hội cụ thể;

- Hiểu và phát hiện được các vấn đề xã hội trong thực tiễn liên quan đến tôn giáo, gia đình, giới và thanh niên;

- Phân tích, đánh giá được các vấn đề pháp lý, chính sách và an sinh xã hội để vận dụng sáng tạo trong quản lí, tư vấn, tổ chức và giải quyết các tình huống thực tế;

- Phân tích và đánh giá được vai trò của yếu tố phi kinh tế và các vấn đề phát triển chính trị, xã hội hiện thời trong phát triển cộng đồng, nông thôn và kinh tế (tích hợp các môn phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn, phát triển kinh tế, xã hội học phát triển, phân tích kinh tế – xã hội nông thôn);

- Vận dụng được kiến thức xã hội học dân số để lượng hóa dân số, đánh giá tác động của di dân tới sự biến động và phát triển xã hội;

- Ứng dụng được kiến thức lý thuyết và thực tiễn để phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực xã hội học.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có phương pháp tư duy xã hội học để phát triển và bảo vệ quan điểm riêng, dựa trên luận thuyết khoa học của ngành;

- Có khả năng nghiên cứu độc lập qua việc tự phát hiện và hình thành ý tưởng khoa học;

- Biết ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc biệt là trong lĩnh vực xã hội;

- Có thể thiết kế, tổ chức, điều phối và đánh giá các nghiên cứu chuyên ngành;

4.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ra quyết định

- Kỹ năng tổ chức quản lý

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (xây dựng, lãnh đạo, vận hành, phát triển nhóm)

- Có kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, động viên, khích lệ

- Kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (ban hành theo thông tư 03/2014/TT – BTTTT).

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (ban hành theo thông tư 01/2014/TT – BGDĐT).

5. Yêu cầu về thái độ

- Tự tin, linh hoạt, sáng tạo, có bản lĩnh
- Trách nhiệm, gương mẫu và phong cách làm việc chuyên nghiệp
- Ý thức nắm bắt sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh
- Tinh thần chia sẻ, hỗ trợ

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Công tác nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu khoa học, các ban ngành của trung ương, tỉnh, thành phố, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội.

Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường đoàn thể (công đoàn, phụ nữ, thanh niên...).

Công tác quản lý, tư vấn cho các tổ chức kinh tế, xã hội, các nhà máy, xí nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau của xã hội.

Cán bộ phụ trách công tác xã hội trong các cơ quan hoặc các tổ chức, đoàn thể khác nhau như: UBND các cấp, Hội Phụ nữ, Lao động thương binh xã hội, Đoàn Thanh niên, Công đoàn...

Đồng thời những kiến thức xã hội học sẽ hỗ trợ một cách hữu ích và đặc lực trong các lĩnh vực nghề nghiệp khác.

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ xã hội học nếu có nhu cầu học sẽ được đào tạo tiếp ở bậc cao hơn: tiến sĩ.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có thể tiếp tục tự học tập, tự nghiên cứu và đăng ký thi tuyển để học tập lên mức cao hơn ở bậc Tiến sĩ đồng thời có thể tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Viện Xã hội học, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Đại học Tổng hợp Chicago, Mỹ (University of Chicago, USA)
- Đại học Tổng hợp Tự do Amsterdam , Hà Lan. (VU University Amsterdam).
- Đại học Calgary, Canada (University of Calgary)

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Khoa, Phòng, Bộ môn (để thực hiện);
- Lưu VT.P. ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Phạm Văn Hà

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CHUẨN ĐẦU RA CHO HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

(Kèm theo Quyết định số 960/QĐ ngày 03 /12/2015 của Hiệu trưởng)

1. Tên ngành đào tạo

- Tiếng Việt: **Quản trị nhân lực**
- Tiếng Anh: Human Resource Management

2. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

3. Yêu cầu về kiến thức

- Nắm vững và vận dụng hiệu quả kiến thức quản trị vào thực tiễn hoạt động quản lý nguồn nhân lực, xây dựng, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh tế, xã hội.

- Có khả năng nghiên cứu, tham mưu xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật lao động, đề án phát triển nguồn nhân lực tầm quốc gia và tổ chức.

- Hiểu rõ các nghiên cứu khoa học và vận dụng vào nghiên cứu thực tế về công tác quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp và tổ chức.

- Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức xã hội, toán học, thống kê và quản lý thông tin kinh tế, các nguyên lý cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh trong quản lý, xây dựng, hoạch định chiến lược, chính sách về nhân lực.

- Hiểu về dân số, nguồn nhân lực, có phương pháp xây dựng, tiếp cận và khai thác thông tin thị trường lao động; cập nhật và tự cập nhật về các chính sách quốc gia, địa phương về lao động, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, tiền lương, việc làm...

- Hiểu rõ bản chất, vai trò, phương pháp quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa và nắm bắt được xu hướng thay đổi của quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Biết cách phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản trị nhân lực, xây dựng và hoàn thiện mô hình quản trị nhân lực, cơ cấu bộ máy tổ chức, nhân lực, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

- Hiểu rõ và biết cách vận dụng các thành quả của tâm lý học, xã hội học, hành vi tổ chức trong phân tích tâm lý, hành vi của người lao động, nhóm, tập thể lao động để thúc đẩy, tăng cường động lực lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng lao động.

- Hiểu rõ bản chất, vai trò của văn hóa tổ chức, biết cách xây dựng và phát triển văn hóa tổ chức.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản trị nhân lực trong các tổ chức; tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong công tác tổ chức bộ máy, xây dựng chiến lược nhân lực, chiến lược quản trị nguồn nhân lực, mô hình quản trị nhân lực trong tổ chức, hệ thống chính sách về nhân lực.

- Có khả năng chủ trì và triển khai các hoạt động: xây dựng các loại quy chế về quản lý nhân lực, thiết kế, phân tích công việc; tổ chức lao động khoa học; quản trị thực hiện công việc, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, hoạch định nhân lực, quản lý thông tin nhân sự; công tác cán bộ; quản trị thù lao lao động, hoạch định chính sách tiền lương, tiền thưởng và các loại phúc lợi khác; có khả năng chỉ đạo và trực tiếp tham gia vào hoạt động tuyển dụng; bảo hộ lao động; truyền thông, trợ giúp và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động; có khả năng chỉ đạo giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động; có khả năng đào tạo và hướng dẫn nhân viên.

- Có thể tham gia trực tiếp vào công tác quản lý, giám sát vấn đề thực thi pháp luật về lao động trong các tổ chức, đơn vị. Có thể phân tích được tình hình dân số, nguồn nhân lực, theo dõi diễn biến và đánh giá được thị trường lao động làm căn cứ để tham mưu, đề xuất được với cấp trên những ý kiến nhằm tăng cường quản lý nhà nước về lao động.

- Có tư duy hệ thống, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong quản trị nhân lực.

- Có kỹ năng phỏng vấn trong phân tích, thiết kế công việc, tuyển dụng, đào tạo, thu thập thông tin liên quan đến hoạt động quản trị nhân lực.

- Có kỹ năng quản lý và ra quyết định.

4.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ra quyết định

- Kỹ năng tổ chức và điều hành hội nghị và sự kiện

- Kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, động viên, khích lệ

- Kỹ năng khảo sát, phân tích, đánh giá

- Kỹ năng thương lượng, giải quyết các xung đột trong quan hệ nhân sự

- Kỹ năng đào tạo, hướng dẫn nhân viên hội nhập môi trường làm việc và thực hiện công việc.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (ban hành theo thông tư 03/2014/TT – BTTTT).

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (ban hành theo thông tư 01/2014/TT – BGDĐT).

5. Yêu cầu về thái độ

- Tự tin, linh hoạt, sáng tạo, có bản lĩnh

- Trách nhiệm, gương mẫu và phong cách làm việc chuyên nghiệp

- Ý thức nắm bắt sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh

- Tinh thần chia sẻ, hỗ trợ

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ lãnh đạo cấp cao về nhân sự như giám đốc, phó giám đốc phụ trách nhân sự trong doanh nghiệp và giám đốc, phó giám đốc sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Nội vụ, các trung tâm, Cán bộ quản lý các vụ, cục thuộc các Bộ.

- Cán bộ quản lý cấp trung về nhân sự như trưởng, phó phòng tổ chức nhân sự, phòng tổ chức hành chính trong các doanh nghiệp, ngân hàng; trưởng, phó phòng nội vụ, lao động thuộc các Sở, UBND các cấp, trưởng, phó các phòng ban thuộc các Bộ, ban ngành.

- Cán bộ nhân sự trong các Ban nhân sự, Ban đào tạo phát triển nguồn nhân lực hoặc tương tự ở các Tổng công ty, các Hội sở lớn.

- Nghiên cứu, tư vấn, giảng dạy về lao động/nhân sự tại các Trường Cao đẳng, Đại học về kinh tế và quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực, các Viện, Học viện về Kinh tế Lao động, nguồn nhân lực, các Công ty tư vấn đề Kinh tế lao động và Quản trị nguồn nhân lực.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có thể tiếp tục tự học tập, tự nghiên cứu và đăng ký thi tuyển để học tập lên mức cao hơn ở bậc Tiến sĩ đồng thời có thể tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Từ đó, người học có thể đáp ứng các yêu cầu với các chức danh cao hơn như: giám đốc nhân sự, Trưởng, phó phòng nhân sự, chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp về nhân sự/lao động, giảng viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên cao cấp và nghiên cứu viên cao cấp về nhân sự/ lao động.

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Viện kinh tế - Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí minh; Viện Hàn lâm khoa học Xã hội Việt Nam;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực của trường Northcentral Univesity (<http://www.ncu.edu>); York University (<http://www.yorku.ca/laps/shrm>); University of Strathclyde, UK; Walden University; Cardiff; School of Business and Techology (<http://www.capella.edu>); ...

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Khoa, Phòng, Bộ môn (để thực hiện);
- Lưu VT.P. ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Phạm Văn Hà